TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 21-9-2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Quách Thị Thu Hương.

2. Bà Võ Thị Thúy An.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa*:** Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2014/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2014 về *"ly hôn,tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và tranh chấp đòi tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2017/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thụy Bích T, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp V, xã T, huyện V, tỉnh K; xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Ngô Văn G, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp V, xã T, huyện V, tỉnh K; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngô Hoàng Gia K, sinh năm 2001; địa chỉ: ấp V, xã T, huyện V, tỉnh K. Do anh Ngô Văn G là cha ruột làm người giám hộ; cháu K xin vắng mặt.

2. Ông Lê Văn L, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1955; địa chỉ: khu phố A, thị trấn T, huyện V, tỉnh K; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2014, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thụy Bích T trình bày: Chị và anh G được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Vĩnh Thuận. Anh, chị chung sống đầm ấm hạnh phúc đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về cách chi xài tiền. Đến ngày 12/10/2014 thì anh chị ly thân cho đến nay. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị và anh G có một người con chung tên Ngô Hoàng Gia K, sinh ngày 09/01/2001 hiện đang sống với anh G, con theo ai người đó nuôi không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị yêu cầu được nhận 01 Tivi 42in trị giá 6.000.000đ, 01 dàn máy vi tính trị giá 3.000.000đ, 01 tủ lạnh trị giá 1.000.000đ với tổng giá trị là 10.000.000đ. Giao cho anh G nhận 02 chiếc xe, anh G giao lại chị 20.000.000đ. Tổng cộng số tiền chị yêu cầu anh G giao lại là 30.000.000đ. Đến ngày 25/8/2017 chị T có đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản với anh G.

Về nợ: Trước đây, chị và anh G có nợ bà Nguyễn Thị H (mẹ chị) 03 lượng vàng miếng SJC, 02 lượng vàng nhẫn 9999 và tiền mặt 95.000.000đ, nợ bà Nguyễn Hoa P số tiền 100.000.000đ. Số tiền nợ bà P đã trả xong, còn số tiền và vàng nợ mẹ chị, chị xin nhận trả.

Tại đơn khởi kiện (phản tố) đề ngày 03/6/2015, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay anh Ngô Văn G trình bày: Anh và chị T được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Vĩnh Thuận. Anh, chị chung sống đầm ấm hạnh phúc đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ly thân luôn cho đến nay. Vợ anh yêu cầu ly hôn anh thống nhất ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có một người con chung tên Ngô Hoàng Gia K, sinh ngày 09/01/2001 hiện đang sống với anh, anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Trước đây anh có yêu cầu chị T giao lại anh tổng số tiền là 50.000.000đ, nay anh xin rút lại yêu cầu khởi kiện. Về nhà và đất tọa lạc tại ấp V, xã T, huyện V, tỉnh K anh để lại cho con là Ngô Hoàng Gia K được toàn quyền sở hữu.

Về nợ: Trước đây, vợ chồng anh có các khoản nợ gồm nợ bà Ngô Kim K số tiền 30.000.000đ, nhờ bà K mượn dùm 100.000.000đ, nợ Lê Văn Đ và vợ là Lưu Thị H 03 lượng vàng 24k, nợ bà Đinh Dạ T 02 lượng vàng 24k, nợ Công ty cổ phần dược phẩm P 35.100.000đ, nợ Công ty cổ phần y tế Đ 33.000.000đ, và nợ Trung tâm y tế huyện V 72.000.000đ. Tất cả số nợ trên anh đều đã trả xong. Do đó, anh không yêu cầu gì đối với chị T về tất cả số nợ trên. Đối với số nợ còn nợ mẹ vợ anh bà Nguyễn Thị H thì anh thống nhất vợ anh trả.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/01/2015, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn L trình bày: Vào năm 2001 ông, bà có sang một nền nhà tọa lạc tại ấp V, xã T, huyện V, tỉnh K với diện tích chiều ngang là 7m, chiều dài từ lộ giáp kênh xáng. Đến năm 2003 thì ông, bà có lắp ráp một căn nhà tiền chế bằng sắt, mái lợp tol, nền lót gạch trị giá 80.000.000đ để cho vợ chồng Lê Thụy Bích T tạm ở. Ông L, bà H yêu cầu anh G, chị T trả lại tài sản nhà, đất khi ly hôn.

Nay ông, bà đồng ý cho cháu ngoại là Ngô Hoàng Gia K (con của T và G) được quyền sở hữu nhà, đất. Ông, bà xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với T và G đối với nhà và đất này.

Tại các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Ngô Hoàng Gia K trình bày: Nếu cha mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng sống với cha, không yêu cầu mẹ cấp dưỡng. Về phần nhà và đất tọa lạc tại ấp V, xã T, huyện V, tỉnh K ông bà ngoại và cha mẹ giao lại cháu đồng ý nhận.

Nội dung các bên đã thống nhất với nhau: chị T xin ly hôn, anh G thống nhất lý hôn; về con chung giao cháu K cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng; về tài sản chung các bên đều rút lại yêu cầu khởi kiện, không tranh chấp. Về nợ chung: anh G đã trả xong, không yêu cầu chị T cùng trả. Đối với số nợ bà H, ông L chị T xin tự trả, bà H, ông L thống nhất cho chị T tự trả.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông L, bà H về việc đòi lại nhà, đất: các bên thống nhất cho cháu K quyền sở hữu nhà và QSD đất đối với nhà, đất tọa lạc tại ấp V, xã T, huyện V, tỉnh K.

Do chị T đi khỏi địa phương và xin vắng mặt tại Tòa án nên không hòa giải được.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ

luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên vụ án có để quá thời hạn chuẩn bị xét xử. Về nội dung vụ án đề nghị HĐXX ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T với anh G; con giao anh G nuôi; về tài sản chung các bên đều đã rút lại yêu cầu nên đình chỉ xét xử; về nợ anh G khai đã trả xong. Đối với yêu cầu của bà H, ông L các bên đã tự thỏa thuận xong đề nghị Tòa án ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị T khởi kiện xin ly hôn, chia tài sản chung và nuôi con với anh G; anh G phản tố yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung; bà H, ông L yêu cầu chị T, anh G trả lại nhà, đất cho mượn ở. HĐXX xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và tranh chấp đòi tài sản.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại đơn khởi kiện nguyên đơn chị Lê Thụy Bích T và bị đơn anh Ngô Văn G có trình bày là có các khoản nợ gồm nợ bà Nguyễn Hoa P, bà Ngô Kim K, ông Lê Văn Đ và vợ là Lưu Thị H, bà Đinh Dạ T, Công ty cổ phần dược phẩm P, Công ty cổ phần y tế Đ, Trung tâm y tế huyện V. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn trình bày đã trả xong số nợ trên. Qua xác minh, các chủ nợ đều xác định bị đơn đã trả xong, không yêu cầu gì. Do đó việc chị T, anh G ly hôn không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ nên Tòa án không tiếp tục đưa bà Nguyễn Hoa P, bà Ngô Kim K, ông Lê Văn Đ và vợ là Lưu Thị H, bà Đinh Dạ T, Công ty cổ phần dược phẩm Phúc T, Công ty cổ phần y tế Đ, Trung tâm y tế huyện V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Bị đơn chị T có đơn xin vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh G được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Vĩnh Thuận và được cấp giấy đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống thì anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn và ly thân từ tháng 10/2014 cho đến nay. Thời gian ly thân kéo dài nhưng anh chị không có biện pháp gì để hàn gắn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị T yêu cầu được ly hôn, anh G thống nhất ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh G.

[4] Về con chung: Chị T và anh G có một người con chung tên Ngô Hoàng

Gia K, sinh ngày 09/01/2001 hiện đang sống với anh G. Anh G xin trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng; chị T thống nhất giao con cho anh G nuôi; cháu K có nguyện vọng được sống với anh G. HĐXX căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình ghi nhận sự tự nguyện của các bên, giao cháu K cho anh G trực tiếp nuôi con, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản: Các bên đương sự đều rút lại yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, việc rút đơn là tự nguyện, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[6] Về yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L, bà H: ông L, bà H với anh G thống nhất thỏa thuận giao nhà, đất cho cháu K toàn quyền sở hữu. Chị T đồng ý về thỏa thuận trên. Cháu K thống nhất nhận tài sản. Thấy rằng sự thỏa thuận của các bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên HĐXX ghi nhận. Theo đó: Giao nhà, đất tọa lạc ấp Vĩnh Lộc 2, xã Tân Thuận, huyện Vĩnh Thuận, Kiên Giang cho cháu Gia K toàn quyền sở hữu. Căn nhà là loại nhà cấp 4 có kết cấu cột sắt, kèo sắt, mái lợp tol, nền gạch trên nền đất bề ngang 7m và bề dài 15,5m. Vị trí: Hướng Đông giáp Sông xáng Chắc Băng dài 7m; hướng Nam giáp Phan Ngọc Phước dài 15,5m, hướng Tây giáp Lộ, hướng Bắc giáp Nguyễn Văn Dũng dài 15,5m. Cháu Khang có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký tài sản theo quy định.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 5, và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, chị T chịu 200.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đối với các yêu cầu đã rút đơn khởi kiện. Việc thỏa thuận giao tài sản giữa các bên tự thỏa thuận và đề nghị ghi nhận nên các đương sự không phải chịu án phí.

[8] Về chi phí đo vẽ là 746.000đ, bà H đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 228, 244, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81 và 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 5 và Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thụy Bích T được ly hôn với anh Ngô Văn G.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Ngô Hoàng Gia K, sinh ngày 09/01/2001 cho anh Ngô Văn G trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền tới lui, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của nguyên đơn chị T và của bị đơn anh G.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên về việc giải quyết đối với nhà, đất. Theo đó: Giao nhà, đất tọa lạc ấp Vĩnh Lộc 2, xã Tân Thuận, huyện Vĩnh Thuận, Kiên Giang cho cháu Gia K toàn quyền sở hữu. Căn nhà là loại nhà cấp 4 có kết cấu cột sắt, kèo sắt, mái lợp tol, nền gạch trên nền đất bề ngang 7m và bề dài 15,5m. Vị trí: Hướng Đông giáp Sông xáng Chắc Băng dài 7m; hướng Nam giáp Phan Ngọc Phước dài 15,5m, hướng Tây giáp Lộ, hướng Bắc giáp Nguyễn Văn Dũng dài 15,5m. Cháu K có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký tài sản theo quy định.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Lê Thụy Bích T chịu 200.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000đ theo biên lai thu số 03197 ngày 25/11/2014.

Hoàn trả cho chị Lê Thụy Bích T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000đ theo biên lai thu số 03196 ngày 25/11/2014.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hạnh số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000đ theo biên lai thu số 03284 ngày 15/01/2015.

Hoàn trả cho anh Ngô Văn G số tiền tạm ứng án phí là 1.250.000đ theo biên lai thu số 08215 ngày 18/6/2015.

(Các biên lai thu đều của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận).

5. Chi phí đo vẽ là 746.000đ, bà H đã nộp xong.

6. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9

Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hánh án dân sự”./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Vĩnh Thuận;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kiều Diễm